

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24 tháng 4 năm 2019
V/v: Tranh chấp ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hà Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Quốc Huy – bí thư đoàn thanh niên xã Yên Viên

Bà: Nguyễn Thị Chấn – giáo viên nghỉ hưu

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Tiến Đạt – thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm tham gia phiên tòa:
bà Trần Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 506/2018/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXXST- HNGĐ, ngày 03 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh **Nguyễn N.B**, sinh năm 1985

Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: số nhà 10, ngách 55, ngõ 309, đường Ng.Đ.Th, tổ dân phố Bình Minh, thị trấn Tr.Q, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

(Có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: chị **Vũ Th.H**, sinh năm 1984

Đăng ký hộ khẩu thường trú: số nhà 10, ngách 55, ngõ 309, đường Ng.Đ.Th, tổ dân phố Bình Minh, thị trấn Tr.Q, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội

Nơi cư trú: thôn Q.Tr, xã D.Q, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. (Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 20/11/2018, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn – anh Nguyễn N.B trình bày:

Về hôn nhân: anh và chị Vũ Th.H kết hôn trên có sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 14/10/2005, tại UBND thị trấn Tr.Q, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh ở chung với bố mẹ anh là ông Nguyễn V.H, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Th.T, sinh năm 1957, tại số nhà 10, ngách 55, ngõ 309, đường Ng.Đ.Th, tổ dân phố Bình Minh, thị trấn Tr.Q, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội khoảng hơn 01 năm, thì do anh không hợp với bố anh nên vợ chồng tách ra ở riêng. Năm 2012, anh bị Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm xét xử tội lạm dụng tín nhiệm, chiếm đoạt tài sản. Sau nhiều lần xét xử thì anh bị mức án gần 02 năm. Anh đã đi chấp hành xong bản án từ ngày 19/5/2014. Quá trình anh đi chấp hành án thì chị H vẫn quan tâm, vẫn có trách nhiệm với anh.

Vợ chồng anh bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 9/2018. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh nghi ngờ chị H có quan hệ ngoại tình với một người đàn ông khác do anh thấy chị H liên tục nhắn tin và điện thoại cho ai đó, anh có hỏi nhưng chị H không thừa nhận có quan hệ ngoại tình. Chính vì thế hai vợ chồng anh thường xuyên cãi nhau, anh bỏ đi làm xa không về. Nhiều lần anh về nhà không thấy chị H đâu, chỉ thấy con ở nhà một mình. Anh có hỏi chị H thì chị H lúc bảo đi lấy hàng may, lúc bảo đi có việc nhưng anh không tin nên anh có cài định vị GPS vào xe máy mà chị H đang sử dụng để theo dõi. Vào ngày 26/10/2018, anh theo dõi và đi theo định vị thì thấy xe của chị H tới nhà nghỉ Nhất Nam Sơn tại địa chỉ 148, đường Lý Nhân Tông, Đình Bảng, Từ Sơn, Bắc Ninh, anh thấy có xe máy của chị H trong đó. Anh ngồi chờ khoảng một giờ nhưng khi anh đi mua thuốc lá, khi quay lại anh không thấy xe máy của chị H đâu. Khi chị H về nhà, anh có tra hỏi chị H thì chị H có nhận là đi nhà Nghỉ quan hệ với anh T. Qua tìm hiểu thì anh biết anh T tên đầy đủ là Đinh Ng.T, sinh năm 1990 quê ở Yên Lập, Phú Thọ, còn địa chỉ cụ thể anh không biết. Sau đó, quan hệ vợ chồng anh vô cùng căng thẳng, anh chửi chị H nhưng không đánh. Đến ngày 27/10/2018, chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Q.Tr, xã D.Q, Gia Lâm, Hà Nội để ở đến nay, không mang theo con (có thể do chị H sợ ảnh hưởng đến việc học tập của con), còn anh quay về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng anh ly thân, cắt đứt hẳn quan hệ sinh lý với nhau, không ai còn quan tâm đến ai nữa.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị H đã hết, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: anh và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Q.B.A, sinh ngày 06/8/2006, hiện cháu A đang ở với anh tại nhà bố mẹ đẻ anh. Khi ly hôn, anh xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu A, anh không đồng ý để chị H nuôi dưỡng cháu A. Nếu anh được nuôi dưỡng cháu A thì anh không yêu cầu chị H

đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, chị H đóng góp bao nhiêu là tùy tâm chị H, anh không yêu cầu. Hiện anh có thu nhập và chỗ ở đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu A. Anh không bao giờ đồng ý cho chị H nuôi con.

Về tài sản chung vợ chồng: anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vợ chồng anh không nợ ai, không ai nợ vợ chồng anh.

Ngoài ra anh B không còn yêu cầu và không trình bày nội dung nào nữa.

Bị đơn - chị Vũ Th.H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị nhất trí với ý kiến của anh B về điều kiện, trình tự, thủ tục kết hôn.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị ở chung với bố mẹ anh B khoảng hơn 01 năm thì anh B mâu thuẫn với bố nên vợ chồng chị tách ra thuê nhà ở riêng. Năm 2012, anh B bị Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm xét xử tội lạm dụng tín nhiệm, chiếm đoạt tài sản. Thời gian anh B đi chấp hành án, chị vẫn thăm nom, chăm sóc anh B và nuôi dưỡng con. Anh B đi chấp hành án khoảng gần hai năm thì được về địa phương.

Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc khoảng 01 năm thì anh B bắt đầu có biểu hiện uống rượu say rồi về chửi, thậm trí đánh chị. Việc này hầu như năm nào cũng xảy ra. Có lần anh B uống rượu vào đánh chị thâm tím mặt và để lại trên trán chị 1 vết sẹo, lần thì làm trẹo ngón tay. Những lần chị bị anh B đánh chị chỉ biết âm thầm chịu đựng, không báo chính quyền và cũng không đi khám hay giám định thương tích vì chị nghĩ đây là mâu thuẫn vợ chồng nên giải quyết nội bộ cho êm đẹp. Đã nhiều lần vợ chồng mâu thuẫn nhau chị phải mang con về nhà bố mẹ. Chị cũng đã nhiều lần góp ý để anh B thay đổi nhưng anh B không hề thay đổi. Tình cảm vợ chồng vì thế mà dần phai nhạt. Chị không nhớ chính xác là tháng mấy nhưng vào năm 2018, chị tình cờ đọc được tin nhắn của một người khác nhắn cho anh B có nội dung hẹn hò nhau, chị hỏi nhưng anh B không nhận mà còn chửi, đánh, đuổi chị ra khỏi nhà.

Từ khoảng tháng 6 năm 2018, anh B đi làm lái xe cho 1 công ty ở Hải Dương và ít khi về nhà. Giữa vợ chồng chị lúc đó, đã có nhiều mâu thuẫn, tình cảm cũng phai nhạt đi nhiều, anh B ít về nhà, không quan tâm chăm sóc đến mẹ con. Thời điểm đó chị vẫn chưa có ý định ly hôn với anh B mà chỉ có ý định ly thân. Cũng vì vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống và mất lòng tin vào nhau nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nặng nề. Vào khoảng tháng 9/2018, thì mâu thuẫn vợ chồng đẩy lên cao trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau, anh B càng ngày càng ít về nhà. Đến tháng 10/2018 chị và anh B cắt đứt hẳn quan hệ sinh lý với nhau cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa.

Chị không thừa nhận đi nhà nghỉ ngày 26/10/2018 với anh T và có quan hệ ngoại tình với anh T như anh B trình bày. Chị biết anh T là do thời gian chị làm quản lý xưởng may còn anh T làm thợ kỹ thuật. Hai bên không hề có

quan hệ tình cảm gì với nhau mà chỉ thỉnh thoảng trao đổi công việc với nhau. Chị không biết anh T sinh năm nào, nhà ở đâu và hiện nay chị cũng không liên lạc gì với anh T. Do chị không nhận việc có quan hệ ngoại tình với anh T nên anh B chửi bới chị âm ỉ, mâu thuẫn vợ chồng càng thêm trầm trọng. Anh B có đề xuất việc để con lại cho bố mẹ anh B nuôi còn chị về Hải Dương làm việc và ở lại cùng anh B nhưng chị không đồng ý với phương án này vì chị không thể để con cho bố mẹ anh B nuôi được mà phải trực tiếp nuôi dạy cháu. Ngay đêm 26/10/2018 do mâu thuẫn vợ chồng quá căng thẳng, chị bỏ về nhà chị gái ở thôn Cầu Chùa, xã Kiêu Kỵ ở tạm để tránh việc vợ chồng xô xát.

Vợ chồng không còn quan hệ sinh lý với nhau từ tháng 10/2018 đến nay, không ai có ý định hàn gắn quan hệ vợ chồng mà mặc kệ đến đâu thì đến. Chị ở nhà bố mẹ đẻ ở thôn Q.Tr, xã D.Q, huyện Gia Lâm, Hà Nội từ tháng 11/2018 cho đến nay. Nay anh B có yêu cầu ly hôn, chị cũng không còn tình cảm gì với anh B và đồng ý ly hôn với anh B.

Về con chung: chị và anh B có 01 con chung là cháu Nguyễn Q.B.A, sinh ngày 06/8/2006, hiện cháu A đang ở với anh B. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu A, chị không đồng ý để anh B nuôi dưỡng cháu A. Nếu chị được nuôi dưỡng cháu A, chị không yêu cầu anh B đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng nếu anh B tự nguyện đóng góp thì chị cũng đồng ý.

Chị không đồng ý để anh B nuôi con vì anh B rất nóng tính, thiếu kiềm chế sẽ ảnh hưởng không tốt đến việc giáo dục con. Hiện chị có nghề làm may tại nhà, thu nhập hàng tháng khoảng 11.000.000 đồng và có chỗ ở ổn định, đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu A.

Khi chị ly thân, không ở cùng anh B nữa, chị có mang cháu A đi nhưng anh B không đồng ý. Do chị biết anh B là người nóng tính, thiếu kiềm chế, chị sợ xảy ra xô xát, làm ảnh hưởng đến tâm lý của cháu A nên chị tạm thời không tranh chấp con với anh B, chị chấp nhận để anh B giữ cháu A trong thời gian chờ Tòa án giải quyết ly hôn.

Cháu A hiện đang là học sinh lớp 7A, trường trung học cơ sở C.B.Q, xã Đ.X, Gia Lâm, Hà Nội. Để khách quan, chị đề nghị Tòa án không yêu cầu anh B đưa cháu A đến Tòa còn Tòa án ghi ý kiến của cháu A thế nào cho khách quan thì tùy Tòa.

Do vụ án tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, để đảm bảo sự khách quan cũng như đảm bảo tính thân thiện, phù hợp với tâm lý, lứa tuổi của cháu A, Tòa án đã tiến hành ghi ý kiến của cháu Nguyễn Q.B.A, sinh ngày 06/8/2006 (đã trên 07 tuổi) tại trường trung học cơ sở C.B.Q nơi cháu A đang học tập có địa chỉ khu đô thị Đ.X, xã Đ.X, Gia Lâm, có sự chứng kiến của Hiệu trưởng nhà trường và UBND xã Đ.X. Tại Biên bản làm việc ngày 13/3/2019, cháu A đã trình bày là khi xa mẹ, cháu rất nhớ mẹ và mong muốn được gần mẹ vì mẹ cháu tình cảm và hiền cháu hơn bố cháu. Nếu cháu được ở với mẹ thì sẽ tốt cho cháu hơn là ở với bố.

Tại phiên tòa ngày hôm nay:

Anh B xác định tình cảm vợ chồng đã hết, anh giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị Vũ Th.H và yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Q.B.A. Anh B cũng thừa nhận anh là người nóng tính và có việc anh bị Công an thị trấn Tr.Q xử phạt hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng năm 2018. Do đặc thù công việc lái xe nên từ trước đến nay anh không có thời gian gần gũi con, việc chăm sóc cháu A chủ yếu do chị H. Hiện anh đang làm lái xe và là đội trưởng đội xe cho Công ty cổ phần thép Minh Phú ở Hải Dương, thời gian làm việc không chủ động, phụ thuộc vào công việc nên có tuần anh về nhà 3-4 lần, có tuần 1-2 lần. Việc đưa đón cháu A đi học cũng như chăm sóc cháu A chủ yếu là do bố mẹ anh đảm nhiệm. Anh không đồng ý để chị H nuôi dưỡng cháu A là do chị H ngoại tình với người đàn ông khác, thu nhập của chị H không ổn định bằng anh. Mặt khác chị H là con gái đã đi lấy chồng rồi nên chị H có về ở cùng với bố mẹ để cũng không thuận lợi bằng anh là con trai ở cùng với bố mẹ. Ngoài ra anh không còn lý do nào khác.

Chị Vũ Th.H cũng giữ nguyên các lời khai tại Tòa án. Chị xác định tình cảm vợ chồng với anh B đã hết, chị đồng ý ly hôn với anh B và xin được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Q.B.A. Nếu chị được nuôi dưỡng cháu A, chị vẫn sẽ để cháu A tiếp tục học ở trường lớp hiện nay vì từ trường trung học cơ sở C.B.Q, xã Đ.X về xã D.Q, nơi chị ở cũng gần.

Lý do chị không đồng ý để anh B nuôi dưỡng cháu A là do anh B là người nóng nảy, thiếu kiềm chế. Ngoài tiền án năm 2012 thì anh B còn bị Công an thị trấn Tr.Q xử phạt hành chính vào khoảng đầu năm 2018, do anh dùng dao chém người hàng xóm bị thương khi mâu thuẫn. Với một người như vậy không thể giáo dục và là tấm gương tốt cho con noi theo. Mặt khác, anh B không trực tiếp chăm sóc cháu A mà chủ yếu do bố mẹ anh B đảm nhiệm do công việc của anh B làm lái xe ít khi về nhà. Chị làm may ở nhà nên có thời gian và điều kiện trực tiếp chăm sóc cháu A hơn anh B.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán và Hội đồng xét xử ; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng các quy định của pháp luật về thủ tục Tổ tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Người tham gia tố tụng tại phiên tòa, Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; khoản 1 Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận thuận tình ly hôn của anh B và chị H

Về con chung: Anh B là người đang nuôi dưỡng cháu Nguyễn Q.B.A nhưng do đặc thù công việc làm lái xe nên anh B không trực tiếp chăm sóc cháu A mà do bố mẹ anh B mới là người chăm sóc cháu. Mặt khác, việc chấp hành pháp luật tại địa phương chưa tốt nên không thể làm tấm gương tốt cho cháu A như thế sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển tâm sinh lý cũng như việc giáo dục cháu A sau này. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Q.B.A cho chị H nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh B cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu mới.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.
Tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền*: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn và con chung nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 – Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân.

Trong vụ án, bị đơn là chị Vũ Th.H có đăng ký Hộ khẩu thường trú tại huyện Gia Lâm, nơi cư trú của chị H xác định ở tại địa chỉ thôn Q.Tr, xã D.Q, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội nên căn cứ vào Điều 35, Điều 39 và Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: anh Nguyễn N.B và chị Vũ Th.H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tr.Q, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội ngày 14/10/2005. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3]. *Về nguyên nhân mâu thuẫn*: Căn cứ vào lời khai của anh B, chị H và các biên bản làm việc của Tòa án với Chính quyền địa phương, của gia đình anh B và chị H, Hội đồng xét xử nhận định:

Anh Nguyễn N.B và chị Vũ Th.H quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng mất niềm tin vào nhau. Anh B nghi ngờ chị H ngoại tình nhưng do không có chứng cứ rõ ràng, chị H không giải thích được cũng như không tạo được niềm tin với anh B. Ngược lại, chị H cũng nghi ngờ anh B ngoại tình với người phụ nữ khác qua việc đọc được tin nhắn điện thoại. Từ việc mất lòng tin vào nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên đến tháng 10/2018, anh B và chị H ly thân nhau, cắt đứt hẳn quan hệ sinh lý với nhau, không ai còn quan tâm đến ai. Từ khi ly thân đến nay, anh chị không có ý định hàn gắn tình cảm với nhau nữa. Tại phiên tòa, anh B và chị H đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết và thuận tình ly hôn. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử

thấy cần ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh B và chị H theo Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. *Về con chung*: Anh B và chị H đều xác định có 01 con chung là cháu Nguyễn Q.B.A, sinh ngày 08/6/2006, hiện cháu A đang ở với anh B tại số nhà 10, ngách 55, ngõ 309, đường Ng.Đ.Th, tổ dân phố Bình Minh, thị trấn Tr.Q, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, là nhà đất của bố mẹ anh B là ông Nguyễn V.H và bà Nguyễn Th.T.

Anh B có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cháu A, chị H cũng xin được nuôi dưỡng cháu A khi ly hôn.

[5]. Hội đồng xét xử thấy, việc giao con cho ai nuôi cũng phải đảm bảo quyền và lợi ích của đứa trẻ. Xét về các điều kiện nuôi dưỡng con về mọi mặt của anh B và chị H, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thu nhập: Anh B xuất trình cho Tòa án Hợp đồng lao động số 010818/HĐLĐ/2018, ngày 01/8/2018 và bảng lương 06 tháng liền kề, thể hiện anh đang làm lái xe cho Công ty cổ phần thép Minh Phú – Hải Dương có địa chỉ Lô CN7-3, khu công nghiệp Tân Trường, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Thu nhập bình quân hàng tháng của anh là 12.998.500 đồng. Chị H trình bày là chị đang làm hàng may gia công của chị Nguyễn Thị C.A tại nhà, thu nhập bình quân hàng tháng của chị là 11.000.000 đồng (sau khi đã trừ chi phí thuê hai nhân công) có xác nhận của UBND xã D.Q. Tại các biên bản làm việc của Tòa án với Ủy ban nhân dân xã D.Q và chị Nguyễn Thị C.A, sinh năm 1986 có địa chỉ tại thôn Nhân Lễ, xã Đ.X, Gia Lâm, Hà Nội cũng thể hiện chị H hiện đang làm may gia công tại nhà cùng với hai công nhân may nữa. Lao động cùng loại ở địa phương có thu nhập bình quân khoảng 10.000.000 đồng.

Từ những phân tích trên, đủ căn cứ để khẳng định, anh B và chị H đều có thu nhập từ công việc đảm bảo cho mức sống bình thường tại địa phương.

Về chỗ ở: Hiện cả anh B và chị H đều không có nhà đất riêng và đều đang sống cùng nhà với bố mẹ đẻ và được bố mẹ tiếp tục cho ở cùng. Tại các biên bản làm việc của Tòa án với UBND thị trấn Tr.Q và UBND xã D.Q đều thể hiện anh B và chị H đang ở cùng trên nhà đất bố mẹ đẻ đúng như các đương sự trình bày. Như vậy, anh B và chị H hiện đều có chỗ ở ổn định, lâu dài.

Xét về điều kiện khác: Tại phiên tòa, anh B thừa nhận anh là người nóng tính và do công việc nên một tuần anh về nhà 3-4 lần, có tuần 1-2 lần. Việc chăm sóc cháu A cho bố mẹ anh đảm nhiệm là phù hợp với lời khai của bố mẹ anh B là ông Nguyễn V.H và bà Nguyễn Th.T tại biên bản làm việc ngày 20/3/2019 với Tòa án. Thời gian đầu anh B không cho chị H gặp cháu A, không cho cháu nhận quà của mẹ, sau đó được sự động viên của bố mẹ, anh B đã cho chị H gặp con, chứng tỏ sau khi ly thân, chị H vẫn gặp gỡ, thăm nom cháu A.

Khoản 3 điều 14 Luật hôn nhân gia đình quy định: “ *Con chưa thành niên có quyền sống chung với cha mẹ, được cha mẹ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc*” nên mặc dù cháu A đang ở với anh B nhưng trên thực tế, do đặc thù công việc là lái xe nên anh B không có thời gian trực tiếp chăm sóc cháu A mà bố mẹ

anh B mới là người hằng ngày chăm sóc, đưa đón cháu A đi học. Thời gian cháu A ở với anh B, chị H vẫn đến thăm nom cháu A. Chị H đang làm may gia công tại nhà nên có thời gian và điều kiện trực tiếp chăm sóc cháu A hàng ngày.

Theo Biên bản làm việc của Tòa án với Công an thị trấn Tr.Q và Ủy ban nhân dân thị trấn Tr.Q, Gia Lâm (nơi cư trú của anh B) xác nhận: anh B là người đã có 01 tiền án năm 2012, là đối tượng theo dõi tha tù tại địa phương và có 01 tiền sự năm 2018, bị xử phạt hành chính 4.000.000 đồng về hành vi gây rối trật tự công cộng do có mang theo vũ khí thô sơ. Tại biên bản lấy lời khai và Biên bản hòa giải tại Tòa, anh B đều khẳng định anh không bao giờ chấp hành việc giao con cho chị H, kể cả pháp luật cũng không thể mang con đi để giao cho chị H. Như vậy có căn cứ khẳng định anh B không những là người nóng tính, thiếu kiềm chế mà ý thức chấp hành pháp luật tại địa phương không tốt, không nghiêm túc và việc chị H trình bày, khi ly thân chị không mang theo con để tránh vợ chồng xô xát là có cơ sở.

Theo khoản 1 Điều 72 Luật hôn nhân và gia đình thì “*Cha mẹ....làm tấm gương tốt cho con về mọi mặt*”. Việc nuôi con không chỉ là nuôi dưỡng mà còn phải trực tiếp chăm sóc và giáo dục con thì rõ ràng anh B không thể làm tấm gương tốt cho cháu A noi theo.

Về việc anh B trình bày chị H ngoại tình: quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị H không thừa nhận, anh B cũng không chứng minh được việc chị H ngoại tình. Mặt khác việc anh B cho rằng chị H ngoại tình chỉ là một trong những lý do dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, không phải là căn cứ xét điều kiện nuôi dưỡng con chung.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu A cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng mới đảm bảo việc nuôi dưỡng cháu A tốt nhất, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cháu cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu A nhưng cũng không làm xáo trộn việc học tập của cháu. Chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung cho chị, do vậy cần hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh B cho đến khi cháu A trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu mới.

[6]. *Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng*: anh B và chị H đều không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. *Về án phí*: anh B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ luật thi hành án.

Xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn N.B và chị Vũ Th.H.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Anh Nguyễn N.B và chị Vũ Th.H có 01 con chung là cháu Nguyễn Q.B.A, sinh ngày 06/8/2006. Giao cháu A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh B cho đến khi cháu A trưởng thành đủ 18 tuổi, có năng lực hành vi và có khả năng lao động hoặc khi có yêu cầu mới.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn N.B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh B đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lâm ngày 24/12/2018 theo biên lai số AA/2010/0004078, nay được chuyển thành án phí. Anh B không phải nộp thêm tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các đương sự. Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:

- Những người tham gia tố tụng
- Tòa án nhân dân TP Hà Nội
- VKSND huyện Gia Lâm
- T.H.A DS huyện Gia Lâm
- UBND thị trấn Tr.Q.
- (ĐKKH số 90, quyền số 01/2005, ngày 14.10.2005)
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Thái Thị Hà Thu

